

Số: 164/2020/QĐST-HNGĐ

N, ngày 02 tháng 12 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 225/2020/TLST/HNGĐ ngày 10/9/2020 giữa:

*Nguyên đơn:* Bà Quách Thị S, sinh năm 1968.

Địa chỉ: Thôn L, xã L, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

*Bị đơn:* Ông Hoàng Văn D, sinh năm 1964.

HKTT: Thôn L, xã L, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

Địa chỉ: Phố P, thị trấn N, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

Căn cứ vào các điều 147, 212, 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/216/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 24 tháng 11 năm 2020.

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 24 tháng 11 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa Bà Quách Thị S và Ông Hoàng Văn D.**

**2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

*2.1 Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung:* Có 01 con chung là cháu Hoàng Thị

N, sinh ngày 05/04/2011 (hiện nay đang ở với bà S). Sau khi ly hôn bà S được trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cháu N cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Ông D không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng bà S.

Sau khi ly hôn ông D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Bà S cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông D trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Trường hợp ông D lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà S có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông D.

*2.2 Về tài sản chung, công nợ chung:* Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*2.3 Về án phí ly hôn sơ thẩm:* Bà S nhận nộp cả theo quy định của pháp luật là 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng). Được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) bà S đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2018/0000628 ngày 10/9/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện N. Trả lại cho bà S 150.000 đồng.

**3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.**

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh NB;
- VKSND huyện NQ;
- THADS huyện NQ;
- UBND phường T;
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ vụ án./.

**THẨM PHÁN**

***(đã ký)***

**HÀ MINH LỰC**